

Bản án số: 39/2021/HS-PT

Ngày 28 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hòa.

Ông Phạm Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
ông Cao Nguyên Lộc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 28/04/2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 180/2020/HSPT ngày 11/11/2020 đối với các bị cáo Bùi Thị Ánh N và Trần Thành N1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Thị Ánh N , sinh năm 1971 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Bùi Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; chồng: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1967 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 18-7-2019, đến ngày 22/01/2020 được thay đổi biện pháp bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thành N1, sinh năm 1984 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12 giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Trọng T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Trúc T, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 21/2004/HSST ngày 11/11/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

- Tại Bản án số 127/2012/HSPT ngày 17-9-2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị bắt ngày 05/11/2019. Ngày 05-02-2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt và được trả tự do (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Ánh N :

- Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1970 - Luật sư Văn phòng Luật sư Hưng Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa);

- Ông Nguyễn Danh H, sinh năm 1950 - Luật sư Văn phòng Luật sư Hưng Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa);

- Ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1975 - Luật sư Văn phòng Luật sư Royal thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thành N1 :

Ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1975 - Luật sư Văn phòng Luật sư Royal thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, bị hại không kháng cáo, người có quyền lợi N1 vụ liên quan không kháng cáo; không liên quan đến kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Ánh N và ông Nguyễn Hoàng M có mối quan hệ vợ chồng, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên N bỏ ra ngoài sống riêng, không sống chung cùng với ông M. Do biết ông M đang có mối quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác tại khách sạn Tân Hoàng M (cũng là nơi ở của vợ chồng ông M, bà N) nên khoảng 1 giờ sáng ngày 24-12-2018, N cùng với Trần Thành N1, Trần Minh Trường, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Đăng Sơn, Khánh (chưa rõ nhân thân), một phụ nữ mặc áo đỏ và một số thanh niên khác không xác định được nhân thân, lai lịch đến khách sạn Tân Hoàng M để bắt ghen. Trước khi đi N yêu cầu những người trong nhóm chuẩn bị bình sơn xịt nhằm mục đích xịt vào người bị hại khi đánh ghen. Khi đến khách sạn Tân Hoàng M, một người đàn ông trong nhóm của N tiếp cận và giữ chân anh Võ Thành Nhân là nhân viên lễ tân của khách sạn, yêu cầu anh Nhân đến ngồi tại bàn ở sảnh tầng trệt. Ông Hùng đến gài cầu thang ở tầng trệt rút hệ thống camera. N và những người còn lại gồm N1, Trường, người phụ nữ áo đỏ và một số người còn lại cùng lên phòng 104 thì thấy ông M đang ở trong phòng cùng với bà Nguyễn Thị Ngọc L nên người phụ nữ áo đỏ dùng bình sơn đen xịt vào người ông M, bà L. N1 dùng tay đánh vào vùng mặt ông M, bà L; những người còn lại đập phá nhiều mỹ phẩm của bà L và một số đồ đạc trong phòng. Ngay sau đó, N thấy bà L đang đeo nữ trang và cho rằng là tài sản của mình nên N yêu cầu bà L tháo ra trả lại. Lúc này, N1 cũng xông vào lớn tiếng buộc bà L phải đưa tài sản. Do lo sợ tiếp tục bị đánh nên ông M có nói với bà L “tháo ra đưa cho bà đi”; nghe vậy, bà L tháo bông tai ra để lên giường ngủ, thì có người trong nhóm của N nhặt lên đưa cho N nhưng N kêu người này cứ giữ đó.

Sau đó, trong lúc N cự cãi, chửi bới qua lại với ông M, bà L ; những người trong nhóm đã lấy một số tài sản khác của bà L gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng đồng; một điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng ; 01 nhẫn bằng kim loại có đính hạt đá; 02 bông tai bằng kim loại có đính hạt đá; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng đồng, dây bằng kim loại, nhãn hiệu Lucien Piccard 16309 và 01 đồng hồ đeo tay màu vàng, dây da màu đỏ, nhãn hiệu SR, số tiền 5.500.000 đồng. Đồng thời cả nhóm còn đập phá một số mỹ phẩm, nước hoa của bà L .

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị Ngọc L đều khai nhận trong khi N yêu cầu bà L đưa tài sản, thì Trần Thành N1 cầm dao lam đưa lên trước mặt bà L và nói “Mày lấy gì của bà thì trả cho bà, không tao rạch tai mày”. Tuy nhiên, N1 không thừa nhận có hành động cầm dao lam đe dọa bà L , N cũng khai không nhìn thấy N1 cầm dao lam. Qua khám nghiệm hiện trường chỉ thu giữ chiếc dao lam dưới tầng trệt khu vực sảnh lễ tân. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ông M từ chối khai báo, quá trình điều tra lại sau khi Tòa án trả hồ sơ ông M không hợp tác và không khai báo gì với cơ quan điều tra.

Trên cơ sở lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Ngọc L về số tài sản bị chiếm đoạt và những tài sản bị cáo Bùi Thị Ánh N giao nộp, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bà Rịa đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản.

Theo các kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 11-01-2019 và số 13/KL-HĐĐGTS ngày 13-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bà Rịa thì trị giá 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng đồng, 64GB là 24.000.000 đồng; trị giá 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, 55.5GB là 5.900.000 đồng; trị giá 01 nhẫn bằng kim loại có đính hạt đá là 13.862.715 đồng; trị giá 02 chiếc hoa tai bằng kim loại có đính hạt đá có giá 6.718.956 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá được là 50.481.671 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị Ánh N thừa nhận sau khi bước vào phòng 104 chứng kiến ông M và bà L ngủ với nhau và thấy bà L đeo bông tai, N cho rằng đó là tài sản của mình nên lớn tiếng chửi bới và yêu cầu bà L tháo bông tai giao trả cho mình, bị cáo N biết các đối tượng đi cùng lấy tài sản của bà L , khi các đối tượng thông báo cho N biết thì N nói “cứ giữ đó đi”. Sau khi lên công an phường Phước Trung làm việc, N đã gọi điện yêu cầu các đối tượng đi cùng đem tài sản đã chiếm đoạt của bà L giao cho bị cáo N để bị cáo giao nộp cho công an. Trần Thành N1 đi theo cũng lớn tiếng hù dọa buộc bà L tháo bông tai. Tuy nhiên sau đó, bị cáo N và bị cáo N1 thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi đe dọa chiếm đoạt tài sản của bà L .

Đối với Trần Minh Trường, hiện nay do chưa làm việc được với Trường, chỉ có lời khai của N thấy Trường cầm hai chiếc điện thoại di động, ngoài ra lời khai của N1, ông M, bà L đều không xác định được vai trò của Trường. Đối với Nguyễn Đăng Sơn, đối tượng tên Khánh (tên thường gọi là Duy chó) và người phụ nữ mặc áo đỏ là những người có mặt tại phòng 104, tham gia xít sợt, lấy tài sản, tuy nhiên hiện nay không xác định được nhân thân lai lịch những người này do đó Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bà Rịa chưa khởi tố bị can và đang tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với Nguyễn Văn Hùng, mặc dù Hùng có cùng với N và những người còn lại đến khách sạn Tân Hoàng M để đánh ghen tuy nhiên ông Hùng không vào phòng 104,

việc N cùng những người trong phòng đã lấy tài sản của bà L là nằm ngoài kế hoạch ban đầu, nên không có cơ sở để xác định Hùng đồng phạm với N, N1.

Đối với Nguyễn Anh Tuấn và Trần Thị Minh Nhung có nhận giữ một số tài sản của bị hại nhưng quá trình điều tra không chứng minh được Tuấn và Nhung có tham gia vào việc chiếm đoạt tài sản nên không có cơ sở để xác định Hùng đồng phạm với N, N1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Ánh N và Trần Thành N1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Ánh N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 18-7-2019 đến ngày 22-01-2020;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thành N1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/11/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên việc xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/09/2020, bị cáo Bùi Thị Ánh N kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì bị cáo không có tội. Ngày 12/10/2020, bị cáo Trần Thành N1 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, qua phần xét hỏi công khai, bị cáo Trần Thành N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, bị cáo Bùi Thị Ánh N thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Về tố tụng: các bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo, do đó kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Về nội dung: bản án sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm và nhân thân của các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thành N1, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thành N1.

Đối với bị cáo Bùi Thị Ánh N, qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm

nhẹ qui định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho bị cáo. Từ phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29-9-2020 của TAND thành phố Bà Rịa về biện pháp chấp hành hình phạt và đề nghị tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Ánh N 15 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các luật sư bào chữa cho các bị cáo có ý kiến như sau:

Luật sư Hoàng Mạnh T phát biểu lời bào chữa cho các bị cáo Bùi Thị Ánh N và Trần Thanh N1 như sau:

Luật sư cho rằng bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” là không khách quan, vì chưa đủ cơ sở để quy kết như vậy. Đặc biệt là có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và ra bản án nên có dấu hiệu oan sai, bởi các lý do sau đây:

- Không ai đi chiếm đoạt tài sản của người khác trong chính nhà mình mà trước đó lại đi báo công an, dân phòng đến để chứng kiến, quay clip. Cấp sơ thẩm đã không căn cứ và xem xét về tình tiết quan trọng này trong khi bà N yêu cầu ông Hùng phải đi báo dân phòng trước khi về nhà bắt ghen. Ngoài ra việc thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm cũng không có cơ sở để khẳng định bà N ép bà L tháo bông tai. Việc bỏ bông tai của bà L là theo yêu cầu chỉ đạo của ông M, bản chất của vụ án này là bắt ghen tại nơi bị cáo sinh sống. Bà N chỉ đang nghi ngờ về nguồn gốc tài sản.

- Bà N từ là bị hại bị xâm phạm trong quan hệ hôn nhân hợp pháp, bị xâm phạm đến chỗ ở, tài sản tại nơi ở có thể bị mất trước đó lại trở thành bị cáo bị quy kết tội cưỡng đoạt tài sản là không có cơ sở, bởi vì ông M khai ở cùng bà L khoảng 01 năm tại khách sạn và đã bị bắt quả tang về hành vi bất chính. Ông M còn khai giao lại tài sản cho bà L quản lý. Trong hoàn cảnh đó khi bắt quả tang thì không chỉ bà N mà bất cứ ai rơi vào hoàn cảnh đó cũng bức xúc, từ đó bà N mới có những phát ngôn như “Tiền vàng trong két của tao đâu trả lại cho tao”, đó là việc rất bình thường. Vì vậy ở đây có dấu hiệu oan sai.

- Bà N nếu chủ đích cưỡng đoạt tài sản sao phải báo công an, chờ công an đến lập biên bản và không đi ra khỏi phòng. Tất cả các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện bà N chờ công an đến lập biên bản, vì vậy nhận định của cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá và nhận định tình tiết này. Đây là thiếu sót rất quan trọng.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không sử dụng chứng cứ vật chất là 02 đoạn video và đầu thu để xác định có hay không hành vi phạm tội. Luật sư đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, bổ sung chứng cứ theo khoản 5 Điều 252 trưng cầu giám định các đoạn clip do nhân chứng Sáng cung cấp.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, N1 khai không được xem và đọc biên bản do công an phường lập vào rạng sáng ngày 24/12/2018 và cũng không được khám xét người. Nếu thật sự có sự việc đánh ghen, có biên bản khai báo chiếm đoạt tài sản tại phòng 104 thì sao bị cáo N1 không được ký vào biên bản. Bà L là người được cho là bị hại nhưng cũng không ký vào biên bản. Chứng tỏ N1 chỉ giúp bà N bắt ghen mà không phải là cưỡng đoạt tài sản.

* Những sai phạm nghiêm trọng của cấp sơ thẩm:

- Một số biên bản lấy lời khai tại CQĐT - Công an thành phố Bà Rịa không có đóng dấu trong của Cơ quan cảnh sát điều tra là trái quy định của pháp luật nên không có cơ sở chứng minh.

- Bản tường trình của nhân chứng Sáng vào ngày 13-01-2021 cho thấy thời điểm Công an xem clip tại điện thoại là khoảng 03 ngày sau khi xảy ra vụ án. Khi đó Điều tra viên đã sao lưu dữ liệu, sau đó cho vào đĩa DVD nhưng hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện biên bản niêm phong dữ liệu ngay thời điểm này, sao sang máy tính cũng không có biên bản. Luật sư cho rằng quá trình thu thập chứng cứ là video ghi lại cảnh bắt ghen không được thực hiện đúng quy trình và clip thì bị cắt xén một số tình tiết quan trọng.

- Ngoài ra luật sư còn trình bày một số chi tiết cụ thể tại các tài liệu chứng cứ bà N giao nộp chứng minh bà N có chuyên cho điều tra viên số tiền 200.000.000 đồng để được tại ngoại.

Từ đó luật sư cho rằng hồ sơ vụ án có nhiều sai lệch trong hoạt động điều tra và kiến nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát tối cao để xem xét điều tra dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án, bảo quản vật chứng theo quy định và dấu hiệu có hay không tiêu cực xâm phạm trong hoạt động tư pháp của điều tra. Và cũng từ đó cho thấy chưa đủ căn cứ quy kết các bị cáo N và N1 tội cưỡng đoạt tài sản. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, hủy bản án sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa để điều tra lại, nếu không hủy án thì tuyên các bị cáo vô tội.

Luật sư Nguyễn Danh H có ý kiến tranh luận như sau:

Luật sư cho rằng đây là vụ việc bắt quả tang xảy ra ở chính nhà bị cáo, bản chất là đánh ghen, sau này điều tra thì lái qua tội “Cưỡng đoạt tài sản” và lý lẽ thì như đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra. Đây là vụ đánh ghen, có công an phường lập biên bản. Lúc đầu khởi tố tội “Cố ý gây thương tích” có chứng minh bằng hình ảnh và giám định ông M bị thương tích 41%, sau đó lại giám định lại là 0%. Sau đó thì khởi tố, truy tố tội “Cướp tài sản”, sau 02 lần tranh luận, lần đầu trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đề nghị mức án 7-8 năm tù với bị cáo N, sau đó chúng tôi chứng minh nhiều vấn đề và tranh luận lần thứ hai thì hạ xuống thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” cho 15 tháng tù. Vụ việc này bắt quả tang, rất đơn giản, có các clip mà dân phòng quay có đầy đủ cả, ai làm gì nói gì có hết nhưng điều tra viên dấu đi, sau này chúng tôi yêu cầu đưa ra thì mới đưa. Bà L ở chung với ông M 01 năm trời ai cũng biết. Câu nói của bà N “mày lấy gì của tao mày phải trả cho tao” là rất nhiều tài sản nhiều tiền chứ không phải chỉ là đôi bông tai để đi đến kết tội. Bị cáo thừa nhận có nói câu đó, nhưng lấy gì, ở đây là tiền vàng có giá trị, điều tra cần phải điều tra khách quan như vậy. Tại sơ thẩm ông M trình bày về hành vi tiêu cực với điều tra viên để bắt giam bà N. Và cũng không phải là 02 giai đoạn như kiểm sát viên đã nói. Tại sao cấp sơ thẩm gạt vấn đề câu nói của bà N “mày lấy gì của tao mày phải trả cho tao” là tài sản gì, là khối lượng lớn vàng và tiền.

Luật sư cho rằng điều tra trong vụ án này có nhiều vấn đề cần xem xét lại vì có sự vi phạm nghiêm trọng tố tụng và đồng thời chính điều tra viên đã cùng ông M lập ra hồ sơ sai phạm để bắt giam bà N.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cơ sở hủy án yêu cầu điều tra lại rất có nhiều

cơ sở. Tuy nhiên, việc hủy án sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý rất phức tạp. Do đó, luật sư cũng thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đề nghị mức án bằng với thời gian tạm giam.

Luật sư Phan Thị Lệ T thống nhất với phần bào chữa của luật sư Trường và luật sư Hưng, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên có ý kiến tranh luận bổ sung như sau:

Kiểm sát viên xác nhận có một số sai phạm trong quá trình điều tra, cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung khắc phục các lỗi tố tụng đó và xin được rút kinh nghiệm.

Luật sư T cho rằng biên bản lấy lời khai không có mộc nhưng chưa có một văn bản nào quy định phải có dấu của cơ quan điều tra. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không có một quy định nào bắt buộc tất cả các biên bản lấy lời khai bị can phải có dấu mộc của cơ quan điều tra. Thông tư hướng dẫn về trách nhiệm của điều tra viên quy định được đóng dấu chứ không phải là bắt buộc phải đóng dấu.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận các hành vi phạm tội của mình đúng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo.

Về luật sư H đề nghị mức án bằng với thời gian tạm giam của bị cáo N cũng là mức án phù hợp để Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư Trường có ý kiến tranh luận lại như sau: Vấn đề con dấu cơ quan điều tra thì các Tòa khác đã hủy án yêu cầu bổ sung rất nhiều, vì vậy luật sư vẫn giữ nguyên yêu cầu và nếu cần thiết luật sư sẽ kiến nghị sau.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo N : Bị cáo biết bị cáo bắt ghen gây rối là sai nhưng còn cưỡng đoạt lấy tài sản thì bị cáo không lấy tài sản ai hết, đến bây giờ bị cáo mới biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N1: Bị cáo cho rằng vụ án này bản chất là đánh ghen nhưng quy kết cho bị cáo là cưỡng đoạt tài sản thì bị cáo không phục, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, phù hợp với qui định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1 Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời

khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi N1 vụ liên quan, phù hợp với vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì nghi ngờ chồng mình là ông Nguyễn Hoàng M có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Thị Ngọc L an, với mục đích bắt quả tang chồng ngoại tình nên bị cáo N đã rủ Trần Thành N1 và một số đối tượng khác đến phòng 104 khách sạn Tân Hoàng M để đánh ghen. Tại đây vì ghen tuông bị cáo N và bị cáo N1 cùng đồng bọn đã có hành vi chửi bới, tát vào mặt và đánh ông M nhưng không gây thương tích. Sau đó vì cho rằng số tài sản của bà L hiện có là do ông M mua cho nên bị cáo N liên tục lớn tiếng chửi mắng, hô hào yêu cầu bà L giao trả tài sản.

Sau khi phát hiện bà L có đeo trang sức và cho rằng đó là tài sản của mình do ông M cho nên bị cáo N hô hào, bị cáo N1 cùng giúp sức nhằm chiếm đoạt những tài sản này để làm bằng chứng tố cáo hành vi ngoại tình của ông M. Mặc dù không có căn cứ để khẳng định số tài sản đó là của ông M cho bà L nhưng bị cáo N và bị cáo N1 vẫn lớn tiếng đe dọa buộc bà L tháo bông tai đang đeo trên người ra. Như vậy, thực tế các bị cáo đã đe dọa sẽ dùng vũ lực và thủ đoạn khác để uy hiếp tinh thần của bị hại, buộc bị hại phải giao tài sản. Đây là hành vi khách quan đặc trưng của tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tuy về mặt nhận thức chủ quan bị cáo N cho rằng tài sản của bà L là do ông M cho nên bị cáo chỉ đòi lại tài sản của mình nhưng về mặt pháp lý tài sản trên người bà L và những tài sản khác do bà L đang chiếm hữu sử dụng thì việc các bị cáo có hành vi chiếm đoạt vẫn là hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích nêu trên cho thấy hành vi của các bị cáo Bùi Thị Ánh N và Trần Thành N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Căn cứ vào số tài sản bị cưỡng đoạt là đôi bông tai có giá trị 6.718.956 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Bùi Thị Ánh N và Trần Thành N1 theo qui định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo có ý kiến về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cụ thể trong quá trình thu thập chứng cứ Điều tra viên, Kiểm sát viên chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mặc dù Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong quá trình điều tra, truy tố đã có một số thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ nhưng những vấn đề này đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã phát hiện và đã trả hồ sơ điều tra, bổ sung và các cơ quan tố tụng đã khắc phục các thiếu sót của mình nên các yêu cầu của luật sư bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đầu vụ là Bùi Thị Ánh N đã thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhận thức của bị cáo không nghĩ rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích, bị cáo đã hiểu rõ và rất ăn năn hối cải, mong được sự khoan hồng của pháp luật nên các yêu cầu của luật sư bào chữa không còn cần thiết xem xét lại trong vụ án.

2.2 Xét kháng cáo của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Trần Thành N1 trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm s Khoản 1 Điều 51. Từ đó tuyên phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, sau phiên tòa sơ thẩm, bị cáo lại kháng cáo kêu oan, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xác minh lại. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không đưa ra được các chứng cứ nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét để chứng minh mình không có hành vi phạm tội trong khi bị cáo Bùi Thị Ánh N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể là cùng bị cáo N1 cưỡng đoạt tài sản của bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc L an. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thành N1 .

Đối với bị cáo Bùi Thị Ánh N , trong quá trình xét xử ở cấp sơ thẩm, bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội của mình và liên tục kêu oan. Tuy nhiên, trong quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã hiểu rõ và nhận thức được hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do đó, bị cáo đã ăn năn hối cải, khai báo trung thực về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết mới và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) nên cần xem xét áp dụng thêm cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo Bùi Thị Ánh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Trần Thành N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thành N1 , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thành N1 ;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo Trần Thành N1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 05-11-2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được trả tự do ngày 05-02-2021.

2. Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ánh N , sửa bản án sơ

thẩm số 60/2020/HSST ngày 29/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Ánh N ;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Ánh N 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 18-07-2019 đến ngày 22/01/2020 (bị cáo đã chấp hành xong).

3. Bị cáo Trần Thành N1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Bùi Thị Ánh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC ;
- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh BR – VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR – VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR – VT;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thái Hùng